



Máy in để bàn

## Dòng **DT200L/DT200iL**

Kích thước nhỏ nhưng được trang bị các tính năng và tùy chọn mạnh mẽ!

Dòng DT200L là một thiết kế khéo léo mang nhiều chức năng vào một nền tảng. Nó hỗ trợ độ phân giải in 203dpi hoặc 300dpi và cung cấp màn hình màu 2,4 inch tùy chọn để dễ sử dụng. Có sẵn đầy đủ các phụ kiện tùy chọn và DT200L hỗ trợ in phương tiện decal không lột. Mọi nhu cầu của bạn đều có thể được đáp ứng với bộ sản phẩm này.



Các giao diện tiêu chuẩn khác nhau tạo điều kiện tích hợp vào một số môi trường.



Cơ chế cấp nhãn nâng cao



Màn hình LCD TFT màu và bảng điều khiển để vận hành dễ dàng và trực quan



Nút chữ "C" cải tiến giúp cho việc Căn chỉnh nhãn trở nên đơn giản và nhanh chóng

# GoDEX

# Specification

## Dòng DT200L/DT200iL

| Model                  |                        | DT200L                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | DT230L                | DT200iL               | DT230iL               |
|------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phương pháp in         |                        | Nhiệt trực tiếp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |                       |                       |
| Độ phân giải           |                        | 203 dpi (8 chấm / mm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 203 dpi (8 chấm / mm) | 203 dpi (8 chấm / mm) | 203 dpi (8 chấm / mm) |
| Tốc độ in              |                        | 6 IPS (152 mm / giây)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4 IPS (102 mm / giây) | 6 IPS (152 mm / giây) | 4 IPS (102 mm / giây) |
| Chiều rộng bản in      |                        | 2,12" (54 mm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2,24" (57 mm)         | 2,12" (54 mm)         | 2,24" (57 mm)         |
| Độ dài bản in          |                        | Min. 0,98" (25 mm)**<br>Max. 4,72" (120 mm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       |                       |                       |
| Bộ vi xử lý            |                        | 32 Bit RISC CPU                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |                       |                       |
| Bộ nhớ                 | Flash                  | 128 MB Flash (60 MB sử dụng lưu trữ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                       |                       |                       |
|                        | SDRAM                  | 32 MB                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                       |                       |                       |
| Loại cảm biến          |                        | Cảm biến phản xạ có thể điều chỉnh. Cảm biến truyền cố định và được căn giữa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       |                       |                       |
| Decal mã vạch          | Các loại               | Decal không lột liên tục. chiều dài nhãn được đặt bằng cảm biến tự động hoặc lập trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                       |                       |                       |
|                        | Chiều rộng             | Min. 0,6" (15 mm) – Max. 2,36" (60 mm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                       |                       |                       |
|                        | Độ dày                 | 0,003" (0,08 mm) Min. – 0,004" (0,10 mm) Max.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                       |                       |                       |
|                        | Đường kính cuộn decal  | Max. 5" (127 mm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |                       |                       |
|                        |                        | Đường kính lõi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |                       |                       |
|                        |                        | 1" (25,4 mm), 1,5" (38,1 mm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       |                       |                       |
| Ngôn ngữ máy in        |                        | Tự động chuyển ngôn ngữ EZPL, GEPL, GZPL, GDPL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |                       |                       |
| Phần mềm               | Phần mềm thiết kế nhãn | GoLabel (chỉ dành cho máy có ngôn ngữ EZPL)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       |                       |                       |
|                        | Driver                 | Vista, Windows 7, Windows 8 & 8.1, Windows 10, Windows Server 2008 R2, 2012, 2012 R2, 2016, 2019, MAC, Linux                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                       |                       |                       |
|                        |                        | Win CE, .NET, Windows Vista, Windows 7, Windows 8 & 8.1, Windows 10, Android, Mac, iOS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                       |                       |                       |
| Phông chữ tích hợp     | Phông Bitmap           | 6, 8, 10, 12, 14, 18, 24, 30, 16X26 and OCR A & B                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                       |                       |                       |
|                        | Phông TTF              | Phông chữ bitmap có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |                       |                       |
| Phông chữ tải xuống    | Phông Bitmap           | Phông chữ bitmap có thể mở rộng 8 lần theo hướng ngang và dọc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                       |                       |                       |
|                        | Phông Asian            | Phông chữ TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |                       |                       |
|                        | Phông TTF              | Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |                       |                       |
|                        | Phông TTF              | 6x16, 24x24. Traditional Chinese (BIG-5), Simplified Chinese(GB2312), Japanese (S-JIS), Korean (KS-X1001)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                       |                       |                       |
| Mã vạch                | Mã vạch 1D             | Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270° và có thể mở rộng 8 lần theo hướng ngang và dọc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |                       |                       |
|                        | Mã vạch 2D             | Phông chữ TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |                       |                       |
| Bộ mã                  |                        | China Postal Code, Codabar, Code 11, Code 32, Code 39, Code 93, Code 128 (subset A, B, C), EAN-8/EAN-13 (with 2 & 5 digits extension), EAN 128, FIM, German Post Code, GS1 DataBar, HIBC, Industrial 2 of 5 , Interleaved 2-of-5 (1 2 of 5), Interleaved 2-of-5 with Shipping Bearer Bars, ISBT-128, ITF 14, Japanese Postnet, Logmars, MSI, Postnet, Plessey, Planet 11 & 13 digit, RPS 128, Standard 2 of 5, Telepen, Matrix 2 of 5, UPC-A/UPC-E (with 2 or 5 digit extension), UCC/EAN-128 K-Mart and Random Weight |                       |                       |                       |
|                        |                        | Aztec code, Code 49, Codablock F , Datamatrix code, MaxiCode, Micro PDF417, Micro QR code, PDF417, QR code, TLC 39, GS1 Composite                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                       |                       |                       |
| Đồ họa                 |                        | Codepage 437, 737, 850, 851, 852, 855, 857, 860, 861, 862, 863, 865, 866, 869                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                       |                       |                       |
| Cổng kết nối           |                        | Windows 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1257                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |                       |                       |
|                        |                        | Unicode UTF8 \ UTF16BE \ UTF16LE                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |                       |                       |
| Bảng điều khiển        |                        | Các loại tệp đồ họa tích hợp là BMP và PCX, các định dạng đồ họa khác có thể tải xuống từ phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                       |                       |                       |
|                        |                        | USB 2.0                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                       |                       |                       |
| Đồng hồ thời gian thực |                        | Serial port: RS-232 (DB-9)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                       |                       |                       |
|                        |                        | Ethernet 10/100 Mbps                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                       |                       |                       |
| Điện năng yêu cầu      |                        | USB Host (A-Type)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                       |                       |                       |
|                        |                        | Hai đèn LED hai màu (Sẵn sàng & Tình trạng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       |                       |                       |
| Môi trường             | Nhiệt độ hoạt động     | Nút bật / tắt nguồn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       |                       |                       |
|                        | Nhiệt độ bảo quản      | Nút điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |                       |                       |
| Độ ẩm                  | Hoạt động              | Phím điều khiển: FEED                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                       |                       |                       |
|                        | Bảo quản               | Tùy chọn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                       |                       |                       |
| Chứng nhận             |                        | Tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                       |                       |                       |
|                        |                        | CE (EMC) \ FCC Class B \ CB \ UL \ cUL \ CCC \ BSMI                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       |                       |                       |
| Kích thước             | Chiều dài              | 219 mm (8,62")                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |                       |                       |
|                        | Chiều cao              | 171 mm (6,73")                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |                       |                       |
| Khối lượng             | Chiều rộng             | 112 mm (4,41")                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |                       |                       |
|                        |                        | 1,07kg (2,36 lb), Không bao gồm vật tư tiêu hao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |                       |                       |
| Tùy chọn thêm          |                        | Dao cắt không tuyến tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                       |                       |                       |
|                        |                        | Dao cắt không tuyến tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                       |                       |                       |
|                        |                        | Chức năng Bluetooth                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       |                       |                       |
|                        |                        | Chức năng Bluetooth                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                       |                       |                       |
|                        |                        | Wireless LAN (IEEE 802.11 b/g/n)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |                       |                       |
|                        |                        | Wireless LAN (IEEE 802.11 b/g/n)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                       |                       |                       |
|                        |                        | Đồng hồ thời gian thực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                       |                       |                       |
|                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                       |                       |                       |

\*\* Thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo. Tất cả các tên công ty và/hoặc tên sản phẩm đều là nhãn hiệu và/hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

\*\* Việc tuân thủ thông số về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa có thể phụ thuộc vào sự khác nhau về chất liệu không tiêu chuẩn như: loại nhãn, độ dày, khoảng cách, cấu trúc lót, v.v. GoDEX vui lòng kiểm tra các chất liệu không tiêu chuẩn về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa.